

Thực trạng và giải pháp học từ vựng tiếng Anh của sinh viên không chuyên Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Nguyễn Thanh Nga*

*ThS. Bộ môn Ngoại ngữ Anh-Pháp – Trường ĐH Công nghệ giao thông vận tải

Received: 10/5/2023; Accepted: 18/5/2023; Published: 29/5/2023

Abstract: Among the four skills of English, vocabulary is ubiquitous and is considered an important part of English in any situation because vocabulary is considered as the beginning of all foreign language learning and the key factor determining student's success. To communicate coherently and capture the necessary information with others, vocabulary is what you need. Only when you possess a rich vocabulary, can your speech become natural and fluent. In the process of communication, readers or listeners almost only pay attention to the content that the speaker wants to express rather than grammar and sentences. Because, even if you firmly grasp the grammatical structures, but the vocabulary is limited, it is still impossible to properly convey the content you want to the opponent. The lack of vocabulary is the weakness of non-specialized students at the University of Transport Technology, though. That is the reason why the author attempts to research and find out what are effective methods of teaching vocabulary for students. This article will show the current situation of learning vocabulary among students and then recommend some solutions to improve the effective vocabulary learning for them.

Keywords: Vocabulary, teaching methods

1. Đặt vấn đề

Phương pháp dạy học (PPDH) tích cực là một PPDH mà ở đó giảng viên (GV) sẽ đưa ra những gợi ý mang tính gợi mở để sinh viên (SV) thảo luận và tự đưa ra kết luận cuối cùng. Phương pháp này giúp phát huy khả năng sáng tạo, sự chủ động và tính tích cực của người học. GV với tư cách là người tạo động lực và hỗ trợ trong quá trình dạy và học phải sử dụng các kỹ thuật khác nhau để cải thiện quá trình dạy và học của mình. Họ phải sử dụng các kỹ thuật phù hợp với đối tượng và tài liệu giảng dạy của họ. Chẳng hạn như khi dạy đọc hiểu, GV nên yêu cầu SV sử dụng các phương pháp đọc khác nhau để có thể hiểu tốt văn bản. Đặc biệt, từ vựng là một trong những phần quan trọng cần được học viên nắm vững khi học ngôn ngữ bởi nếu không có đủ vốn từ vựng, SV sẽ không thể làm được các bài đọc hiểu, nghe hiểu hay chọn từ theo nghĩa. Một trong những lí do khiến SV gặp khó khăn trong việc học từ vựng là do các em còn thiếu kĩ năng học tập hiệu quả. Trong bài viết này, tác giả sẽ chỉ ra thực trạng học từ vựng của SV để từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học từ vựng tiếng Anh hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của từ vựng trong việc học ngoại ngữ (NN)

Từ vựng được xem là một yếu tố quan trọng quyết

định sự thành công trong giao tiếp bằng ngôn ngữ của người học dù là giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ hay tiếng nước ngoài. Phát triển từ vựng đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển ngôn ngữ của người học. Biết từ vựng tiếng Anh không chưa đủ mà phải biết cách vận dụng từ vựng đó trong các ngữ cảnh, tình huống khác nhau mới tạo nên sự thành công khi học một NN. Vì vậy, GV dạy tiếng Anh không chỉ chú trọng vào việc cung cấp từ vựng cho người học mà còn giúp người học quen thuộc với nghĩa, cấu trúc, ngữ pháp và cách sử dụng từ vựng đó thông qua việc áp dụng các phương pháp, tổ chức các hoạt động và giao các bài tập trong quá trình giảng dạy nhằm giúp người học có thể sử dụng từ vựng một cách phù hợp và hiệu quả nhất trong thực tế cuộc sống, công việc hàng ngày. Vai trò của từ vựng khi học NN là rất cần thiết. Khi có lượng từ vựng dồi dào chắc chắn người học tiếng Anh sẽ sử dụng thành thạo bốn kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Ngoài ra từ vựng cũng được xem là vũ khí có sức ảnh hưởng lớn đến quá trình giao tiếp giữa người và người. Vì thế, từ vựng luôn chiếm vị trí quan trọng quá trình học một ngôn ngữ và luôn được GV giảng dạy tiếng Anh chú trọng trong quá trình giảng dạy để có thể cải thiện được khả năng làm chủ từ vựng cho người học. Làm chủ từ vựng nghĩa là người học có kiến thức toàn diện về từ vựng gồm nghĩa của từ, văn phong nói, văn phong viết, cấu trúc ngữ pháp, nguồn

gốc của từ, sự kết hợp của từ. Hơn nữa, theo các cuộc nghiên cứu cho thấy nắm bắt được từ vựng tạo sự thuận tiện cho năng lực giao tiếp và tiếp thu tốt ngôn ngữ thứ hai. Mối quan hệ giữa kiến thức từ vựng và cách sử dụng ngôn ngữ được mô tả như một mối quan hệ hỗ trợ cho nhau bởi vì có một lượng từ vựng nhất định mới sử dụng được ngôn ngữ, ngược lại, sử dụng ngôn ngữ làm tăng lượng kiến thức từ vựng. Chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của từ vựng trong cuộc sống hàng ngày, trong môi trường bên trong và ngoài trường học. Thu thập một lượng từ vựng phù hợp là điều hết sức cần thiết cho việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai thành công vì nếu không có lượng từ vựng dồi dào người học sẽ không thể nào sử dụng được các cấu trúc câu và chức năng từ mà người học đã được truyền đạt để áp dụng vào quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ của mình.

2.2. Thực trạng học từ vựng của SV

Thứ nhất, nhiều SV vẫn còn tâm lý học tập thụ động, chưa tự ý thức được sự cần thiết phải nắm vững một NN, từ đó xem nhẹ việc học từ vựng nói riêng, NN nói chung. Việc học tập thụ động khiến SV chưa tận dụng được các ưu thế hiện nay (như truyền hình cáp, mạng internet) để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh của mình.

Thứ hai, nhiều SV chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của tiếng Anh nói riêng, NN nói chung, chưa dành đủ thời lượng cần thiết cho việc học NN nói chung, học từ vựng nói riêng. Thông thường, để làm chủ được từ vựng nói riêng, kiến thức bài giảng nói chung thì mỗi học viên cần hiểu 30% lượng kiến thức trước khi lên lớp, 50% lượng kiến thức ở trên lớp, và 20% sau giờ học. Ví dụ, nếu trong vòng 5 giây sau khi biết từ vựng mới mà người học chưa nhớ được thì xác suất họ có thể nhớ được từ đó sau này là rất thấp; tiếp theo là giai đoạn 25 giây, nếu họ chưa nhớ được từ trong giai đoạn này thì tất cả sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. PPDH từ vựng tiếng Anh chỉ ra rằng người học có thể làm chủ được từ mới trong giai đoạn này sẽ có nhiều cơ hội nhớ được nó trong thời gian tiếp theo.

Thứ ba, SV chưa được hướng dẫn đầy đủ, cụ thể, hợp lý về phương pháp học NN, chưa biết vận dụng phương pháp học NN hợp lý. Phương pháp học NN có thể coi như là một lối đi tắt: ai chọn đúng lối đi, người đó sẽ tốn ít công sức và đạt kết quả cao hơn. Để chọn phương pháp học từ vựng cho kỳ thi vào đại học, SV sẽ phải sử dụng những phương pháp khác với trường hợp học từ vựng để đi du lịch nước ngoài trong thời gian 1 tuần. Việc lựa chọn phương pháp như thế nào thì còn phụ thuộc vào từng người, khả năng đánh giá phân tích để đưa ra được giải pháp hợp lý, và để có được điều này, SV cần được hướng dẫn phương

pháp học NN nói chung, phương pháp học từ vựng nói riêng.

Thứ tư, phương pháp giảng dạy NN nói chung, dạy từ vựng của nhiều GV hiện nay còn bất cập. GV được Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thay đổi cách dạy trong những lần thay đổi sách giáo khoa khiến người học và người dạy phải thích ứng nhau. Tuy nhiên, dạy học NN cần nhất quán, lâu dài hơn. Theo quy định, GV phải căn cứ vào những tình huống học tập cụ thể để có thể đưa ra những PPDH phù hợp. Nhưng bất ngờ là, phương pháp được nhiều người sử dụng nhất, sử dụng liên tục, và hầu như cũng chỉ sử dụng nó, lại là phương pháp dịch trực tiếp sang tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Phương pháp dạy đơn điệu, nhàm chán sẽ khó lòng khơi dậy được sự hào hứng học tập của SV.

Thứ năm, nội dung chương trình và những bài kiểm tra được thiết kế chưa đi sâu vào kiểm tra các mặt của từ vựng. Nội dung giáo trình học chưa sinh động, nặng nề nhét kiến thức trong khi thời lượng dành cho thực hành lại ít. Trong khi đó, chúng ta còn thiếu trang thiết bị, giáo cụ trực quan, cơ hội giao lưu với người bản ngữ. Rất nhiều bài thi chỉ đánh giá khả năng sử dụng ngữ pháp của SV mà chưa đi sâu vào kiểm tra các mặt khác nhau của việc học từ vựng như phát âm, sử dụng từ trong văn cảnh, sự hòa hợp về từ loại,... Trong khi thực tế cuộc sống đòi hỏi SV phải sử dụng được ngôn ngữ thì chương trình kiểm tra lại thường thiên về kiểm tra tính học thuộc của người học. Có nhiều SV nhớ rất nhiều từ nhưng không sử dụng được NN, xem ti vi thì không biết từ đó là gì, chỉ khi xem bản viết mới nhận ra những từ đó mình đã học rồi. Nghĩa là, SV phát âm sai khá nhiều, và khi tự mình phát âm sai thì sẽ gần như không thể nhận diện được âm tiếng Anh chuẩn; điều đó dẫn tới khả năng sử dụng tiếng Anh bị ảnh hưởng rất nhiều. Phần lớn SV sau khi ra trường được các tập đoàn đa quốc gia tuyển dụng vào làm việc đều phải được gửi đi đào tạo lại NN.

2.3. Một số giải pháp khắc phục

Thứ nhất, SV cần phát huy hơn nữa tính tích cực của mình. Để có thể nâng cao chất lượng học từ vựng, SV cần đặt ra những mục tiêu lớn và dài hạn cho việc học tiếng Anh vì học NN bao giờ cũng cần thời gian. Đối với việc học tiếng Anh cũng như bất kỳ ngôn ngữ nào khác, SV cần một khoảng thời gian nhất định, đồng thời phải tạo cho mình những bước đi vững chắc thay vì học rất nhiều mà không sử dụng được.

Thứ hai, cần đổi mới kết cấu đề thi theo hướng đánh giá SV trên phương diện sử dụng ngôn ngữ hơn là chỉ chú ý tới khả năng ghi nhớ từ vựng. Một người sử dụng NN có thể không biết từ nọ, từ kia nhưng thông qua suy luận, đoán từ, hỏi, tra cứu vẫn có thể biết được nghĩa của từ. Nếu đề thi khuyến khích SV

chỉ chăm chăm vào việc nhớ từ thì có thể SV chỉ có thể biết nghĩa của từ mà rất khó vận dụng nó trong thực tế cho mình. Kết cấu của đề thi cũ tạo ra những người học nhớ rất nhiều từ nhưng lại không sử dụng được từ vựng mà họ có.

Thứ ba, cần tích hợp phương pháp học NN vào trong chương trình học NN của SV. Việc này chiếm rất nhỏ quỹ thời gian học tập của SV nhưng lại giúp các em chủ động hơn trong việc học NN nói chung, học từ vựng nói riêng và tăng khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào những hoàn cảnh cụ thể. Việc áp dụng dạy phương pháp học NN tích hợp vào trong các bài giảng hiện có sẽ làm cho SV thấy được ví dụ cụ thể, sinh động của ích lợi phương pháp học NN hơn là lý thuyết khô khan. Tuy nhiên, cũng cần phải chú ý khi tích hợp phương pháp học NN vào chương trình học vì bản thân việc áp dụng các phương pháp này cũng có những hạn chế. Ví dụ SV khó nhận diện được phương pháp học, phân loại và áp dụng chúng dẫn tới tình trạng các em có thể bị rối khi phải lựa chọn những phương pháp học khác nhau cho những mục tiêu học tập khác nhau, hay việc dành thời gian, công sức cho dạy học phương pháp học quá nhiều dẫn tới yêu cầu về thời gian cho bài học chính bị ảnh hưởng. Sau đây là một số phương pháp học từ vựng hiệu quả GV có thể triển khai hướng dẫn cho SV:

Học từ vựng theo chủ đề: Phương pháp này có lẽ được biết tới là cách học từ vựng tiếng Anh phù hợp và được nhiều người áp dụng nhất. Để tự tin và trôi chảy trong giao tiếp, mỗi người cần tích lũy cho bản thân ít nhất 1000 tới 1500 từ trở lên. Nếu bạn chọn học số lượng từ vựng lớn như vậy một cách hỗn độn, không phân chia theo chủ đề thì sẽ vừa khó để nắm bắt lại vừa tốn thời gian. Ngược lại, nếu phân chia thành các nhóm liên quan đầy logic thì bạn vừa học nhanh, nhớ lâu, vừa hứng thú khi học bởi được lựa chọn chủ đề mình thích.

Sử dụng sơ đồ tư duy mind map là cách học bằng sự kết hợp giữa ngôn ngữ và hình ảnh. Thực tế, não bộ tiếp nhận và lưu trữ hình ảnh tốt hơn nhiều so với chữ viết. Sơ đồ tư duy sinh ra chính để tận dụng khả năng đó. Với sơ đồ tư duy, tất cả thông tin được lưu trữ dưới dạng hình ảnh. Phương pháp này được chứng minh là cải thiện đáng kể khả năng nhớ lại khi so sánh với các phương pháp ghi chép và học vẹt thông thường. Nó cần trí tưởng tượng và liên tưởng để kích hoạt bộ não của chúng ta trong việc ghi nhớ điều gì đó

Học từ vựng qua trò chơi, bài hát: Không giống như các phương pháp học tập thông thường rất dễ làm giảm nguồn năng lượng và sức tập trung, khiến người học cần nghỉ ngơi để lấy lại sự hào hứng, học từ vựng qua trò chơi, bài hát lại tạo sự thư giãn trong suốt buổi

học mà vẫn đảm bảo được việc ghi nhớ từ vựng hiệu quả. Các trò chơi tiếng anh đòi hỏi khả năng phản xạ tốt bởi các tiết tấu của các trò chơi đều rất nhanh kết hợp với yếu tố bất ngờ. Não bộ cần phản ứng nhanh và liên tục, từ đó sẽ hình thành kỹ năng phản xạ tiếng anh một cách tự nhiên, đây chính là yếu tố quan trọng trong tiếng anh giao tiếp.

Thứ tư, SV cần có thêm cơ hội để thực hành NN. Nhà trường cần trang bị thêm những giáo cụ trực quan như máy chiếu, truyền hình cáp, mạng internet để SV có thêm những cơ hội trải nghiệm, thực hành NN trong môi trường gần giống đời thực. SV có thể được tạo điều kiện để có thể có những giao lưu trực tuyến, giao lưu thực tế với người nước ngoài. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, việc giao lưu qua mạng internet là hoàn toàn khả thi. SV cần được chỉ bảo, hướng dẫn để giao lưu trò chuyện với bạn bè quốc tế trong khi vẫn đảm bảo không bị các sự cố đáng tiếc xảy ra đối với việc giao lưu trên mạng internet.

3. Kết luận

Mỗi SV sẽ luôn có những cách thức, chiến lược riêng để học tập và thành công. Tuy vậy, một đặc điểm chung cần có trong quá trình học từ vựng tiếng Anh chính là động lực, thái độ nghiêm túc, tập trung, không ngừng vươn lên, học hỏi từ mọi người xung quanh và quan trọng hơn hết là biết vận dụng, sử dụng từ vựng trong mọi tình huống giao tiếp. Đối với GV, để phát huy được hiệu quả của các PPDH từ vựng, GV cần tiến hành nghiên cứu kỹ về đối tượng SV mình giảng dạy (sở thích, trình độ, thói quen học tập..) để chọn ra phương pháp phù hợp nhất với SV hoặc phải kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp để không bị nhàm chán. Ngoài ra, GV cũng cần thường xuyên phản ánh, đánh giá hiệu quả giảng dạy của mình để rút ra kinh nghiệm tốt hơn trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] L.K. Bera (2016). *The Effect of Contextual Learning Strategy on the Basis of Language Exposure Ecology and Learning Motivation on the Mastery of English Vocabulary*. Universitas Negeri Malang, Indonesia: International conference on Education.
- [2] L.T.T. Hanh -T.B. Tien (2017). *Multiple intelligences based homework and EFL students' vocabulary learning*. *International Journal of English Linguistics*. Canadian center of science and education.
- [3] A.A. Mokhtar - R.M. Rawian - M.F. Yahaya - Abdullah - A.R. Mohamed (2017). *Vocabulary Learning strategies of adult ESL learners*. *The English Teacher*, Vol. XXXVIII, pp.133-145.
- [4] J. Newton (2013). *Incidental vocabulary learning in classroom communication tasks*. *Language Teaching Research*, Vol.17 (2), pp. 164-187.